

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2018/HSST

Ngày: 27/3/2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tú

Bà Hoàng Thị Kim Phụng

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2018/HSST ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HS ngày 12/03/2018 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1986. Tại Đ. Nơi cư trú: thôn M, xã Y, huyện E, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 12/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam. Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Q; Vợ: Hà Thị N, con: 1 con sinh năm 2017. Tiền án; Tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/11/2017 đến nay tại trại Tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

2. Lê Văn T1, sinh năm 1990. Tại Đ. Nơi cư trú: Xóm D, xã B, huyện E, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 10/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam. Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn T và bà Mai Thị D; Vợ, con: Chưa có. Tiền án; Tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/11/2017 đến nay tại trại Tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

Người làm chứng: Ông Đặng Văn D1, sinh năm 1953 trú tại: Phố 5, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Lê Văn T1 đều là người nghiện ma túy và có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 05/11/2017 do có nhu cầu sử dụng

ma túy nên T1 gọi điện rủ T góp tiền mua ma túy về sử dụng chung, T nói không có tiền, T1 bảo đi bán điện thoại của T1 để mua ma túy. Sau đó T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu LIFAN, BKS 73K3-5885 từ nhà ở xã B, huyện E, tỉnh Đ đi sang nhà T ở xã Y, huyện E, tỉnh Đ. T và T1 đến một cửa hàng điện thoại trên đường Lương Văn Thăng, thành phố Ninh Bình, T vào bán chiếc điện thoại của T1 được 200.000đồng. Sau đó, T và T1 đi đến khu vực ngõ 30, đường Chiến T, phố 5, phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình. Tại đây, T bảo T1 đứng đợi còn T đi bộ vào khoảng 50m thì gặp và mua của một người đàn ông không quen biết 200.000đồng được 01 gói Heroine gói ngoài bằng giấy bạc màu đồng, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng, T cầm gói ma túy trên tay trái rồi đi ra chỗ T1 đứng đợi. T1 điều khiển xe mô tô chờ T đi tìm chỗ để sử dụng, khi vừa đi được khoảng 50m thì bị tổ công tác Công an phường Đông Thành đang làm nhiệm vụ yêu cầu kiểm tra hành chính. Quá trình kiểm tra T đã tự giác giao nộp gói ma túy đang cầm ở tay trái cho tổ công tác và khai nhận vừa đi mua cùng T1 về để sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành thu giữ và niêm phong gói ma túy trên rồi đưa T và T1 cùng tang vật về trụ sở Công an phường Đông Thành lập biên bản vi phạm hành chính. Ngoài ra còn thu giữ của T1 01 xe mô tô nhãn hiệu LIFAN, BKS 73K3-5885.

Tiến hành cân xác định trọng lượng chất bột dạng cục màu trắng trong gói giấy bạc màu đồng thu giữ của T và T1 có trọng lượng là 0,155gam ký hiệu M và gửi đi trung cầu giám định.

Tại kết luận giám định số 217/GĐMT ngày 07/11/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: ***“Mẫu chất bột dạng cục màu trắng ký hiệu M có khối lượng 0,1572 gam là chất ma túy, loại Heroine. Heroine là chất ma túy có số thứ tự 20, thuộc bảng danh mục 1, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ”***.

Sau khi giám định, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình hoàn trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh Bình số vật chứng bao gồm 0,1066gam Heroin cùng giấy gói ban đầu.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T và Lê Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 07/02/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Văn T1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Văn T1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; áp dụng thêm điểm o, khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn T đề nghị: xử phạt bị cáo Lê Văn T1 15 đến 18 tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn T 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày bắt tạm giam 13/11/2017. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật tố

tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy được hoàn lại cùng giấy gói ban đầu. Các bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xuất phát từ nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, Nguyễn Văn T và Lê Văn T1 đã cùng nhau đi mua ma túy là Heroin về sử dụng. Khoảng 10 giờ ngày 05/11/2017 tại khu vực đường Chiến Thắng thuộc phố 5, phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình, Nguyễn Văn T và Lê Văn T1 đã bị Công an phường Đông Thành phát hiện kiểm tra khi đang cất giữ trái phép 0,1572gam Heroin.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai người làm chứng, biên bản kiểm tra hành chính, biên bản niêm phong và mở niêm phong vật chứng; kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Văn T1, đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; bản thân các bị cáo là những người nghiện, nhận biết rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn phạm tội. Do vậy cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù cách ly với xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo thành công dân có ích cho xã hội và cùng nhằm để giáo dục pháp luật và phòng ngừa chung. Trong vụ án này bị cáo T là người trực tiếp mang bán điện thoại để lấy tiền mua ma túy, trực tiếp giao dịch mua ma túy và cất giữ ma túy nên có tính chất mức độ cao hơn so với bị cáo T1 nên đáng lẽ phải xử mức hình phạt cao hơn nhưng xét thấy trước khi bị phát hiện tội phạm bị cáo T đã tự giác giao nộp gói ma túy mà đã cất giữ thể hiện bị cáo đã tự thú, bố bị cáo là người có thành tích trong kháng chiến được thưởng Huân chương chiến công do hoàn thành nhiệm vụ Quốc tế Cách mạng Lào là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 nên cần xử bị cáo T và bị cáo T1 có mức hình phạt ngang nhau là phù hợp. Quá trình tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T và T1 đã thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự nên cần giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Ngoài ra cũng cần xem xét quy định có lợi cho các bị cáo cụ thể : Tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy có khung hình phạt nhẹ hơn so với khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 để áp dụng quy định có L trên đối với các bị cáo.

Các bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng, không nhằm mục đích vụ lợi. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[2].Về nguồn gốc ma túy: T khai nhận cùng T1 đi mua của một người đàn ông không quen biết tại khu vực đường Chiến T, phố 5, phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh Bình không đủ cơ sở xác minh làm rõ.

[3].Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu LIFAN BKS 73K3-5885 qua điều tra xác định chiếc xe trên là của anh Đoàn Văn Tư ở Quảng T1, huyện Quảng Trách, tỉnh Quảng Bình. Năm 2010 anh Tư đã bán xe cho một người tên Tuân nhưng không rõ địa chỉ ở đâu. Còn Lê Văn T1 khai mua xe năm 2016 của một người đàn ông bán xe ở chợ Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, khi mua không làm giấy tờ mua xe. Do không xác định được ai là chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh Bình đã tách phần tài liệu liên quan đến chiếc xe trên để tiếp tục điều tra làm rõ.

[4].Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy số ma túy được hoàn lại cùng giấy gói ban đầu.

[5]. Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời gian luật định.

[7].Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Nghị quyết số 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Nguyễn Văn T;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Văn T1 phạm tội "**Tàng trữ trái phép chất ma túy**".

Xử phạt Nguyễn Văn T 15 (*mười lăm*) tháng tù.

Lê Văn T1 15 (*mười lăm*) tháng tù.

Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày bắt tạm giam 13/11/2017

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy được hoàn lại cùng giấy gói ban đầu.

(Các vật chứng có đặc điểm theo như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09 tháng 2 năm 2018 giữa Công an Thành phố Ninh Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm;

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND thành phố Ninh Bình
- Công an thành phố Ninh Bình
- Chi cục THA. DS thành phố Ninh Bình
- Thi hành án HS
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy

